ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3475 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 13 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện còn thiếu năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội về việc thực hiện chính sách hưởng bảo hiểm xã hội một lần đối với người lao động;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi

ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 5428/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho các đối tượng chính sách của tỉnh Thanh Hóa còn thiếu năm 2020 và tạm cấp kinh phí năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 5563/STC-QLNS&TKTC ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện còn thiếu năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện còn thiếu năm 2021, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí phải hỗ trợ năm 2021: 15.021.356.482 đồng (Mười lăm tỷ, không trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi hai đồng).

2. Kinh phí đã hỗ trợ tại Quyết định số 5428/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh: 12.666.349.080 đồng (Mười hai tỷ, sáu trăm sáu sáu triệu, ba trăm bốn chín nghìn, không trăm tám mươi đồng).

3. Kinh phí bổ sung đợt này: 2.355.007.402 đồng (Hai tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, không trăm lẻ bảy nghìn, bốn trăm lẻ hai đồng).

4. Nguồn kinh phí: Từ nguồn tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương còn dư trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

b) Cam kết, chịu trách nhiệm bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo quy định sau khi phê duyệt hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội từ nguồn tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương còn dư trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 tại Quyết định này.

c) Căn cứ nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông

báo bổ sung dự toán năm 2022 cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật. Thủ trưởng đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

3. Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, chủ động theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa; tham mưu đề xuất những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

CHỦ TỊCH

Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục:

TỔNG HỢP KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện *(người)*	Số tháng đóng bảo hiểm *(tháng)*	Mức hỗ trợ / người/ tháng *(đồng/người/ tháng)*	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định *(đồng)*	Trong đó		Ghi chú
						Số tiền hỗ trợ theo mức quy định *(đồng)*	Lãi do đối tượng tham gia đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu *(đồng)*	
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4 = 5+6**	**5**	**6**	**7**
	Tổng cộng	**79.880**	**906.439**		**15.021.356.482**	**14.997.798.200**	**23.558.282**	
-	***Người thuộc hộ nghèo***	***1.525***	***14.483***	***46.200***	***669.114.600***	***669.114.600***	***-***	
-	***Người thuộc hộ cận nghèo***	***2.462***	***25.652***	***38.500***	***988.217.474***	***987.602.000***	***615.474***	
-	***Đối tượng khác***	***75.893***	***866.304***	***15.400***	***13.364.024.408***	***13.341.081.600***	***22.942.808***	
1	**Văn phòng Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh**	**4.611**	**53.208**		**829.694.642**	**827.080.100**	**2.614.542**	
-	Người thuộc hộ nghèo	7	52	46.200	2.402.400	2.402.400	-	Phát sinh lãi của 29 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	20	263	38.500	10.125.500	10.125.500	-	
-	Đối tượng khác	4.584	52.893	15.400	817.166.742	814.552.200	2.614.542	

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện *(người)*	Số tháng đóng bảo hiểm *(tháng)*	Mức hỗ trợ / người/ tháng *(đồng/người/ tháng)*	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định *(đồng)*	Trong đó		Ghi chú
						Số tiền hỗ trợ theo mức quy định *(đồng)*	Lãi do đối tượng tham gia đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu *(đồng)*	
2	**Thị xã Bỉm Sơn**	**2.645**	**31.262**		**489.286.804**	**488.087.600**	**1.199.204**	
-	Người thuộc hộ nghèo	12	186	46.200	8.593.200	8.593.200		Phát sinh lãi của 08 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	7	40	38.500	1.540.000	1.540.000		
-	Đối tượng khác	2.626	31.036	15.400	479.153.604	477.954.400	1.199.204	
3	**Thành phố Sầm Sơn**	**2.708**	**26.504**		**424.948.854**	**424.870.600**	**78.254**	
-	Người thuộc hộ nghèo	19	199	46.200	9.193.800	9.193.800	-	Phát sinh lãi của 5 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	47	458	38.500	17.633.000	17.633.000	-	
-	Đối tượng khác	2.642	25.847	15.400	398.122.054	398.043.800	78.254	
4	**Huyện Mường Lát**	**1.137**	**13.174**		**432.186.385**	**431.769.800**	**416.585**	
-	Người thuộc hộ nghèo	642	7.376	46.200	340.771.200	340.771.200	-	Phát sinh lãi của 01 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	8	74	38.500	2.849.000	2.849.000	-	
-	Đối tượng khác	487	5.724	15.400	88.566.185	88.149.600	416.585	

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện *(người)*	Số tháng đóng bảo hiểm *(tháng)*	Mức hỗ trợ / người/ tháng *(đồng/người/ tháng)*	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định *(đồng)*	Trong đó		Ghi chú
						Số tiền hỗ trợ theo mức quy định *(đồng)*	Lãi do đối tượng tham gia đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu *(đồng)*	
5	**Huyện Quan Hóa**	**1.635**	**12.899**		**231.570.809**	**231.423.500**	**147.309**	
-	Người thuộc hộ nghèo	80	459	46.200	21.205.800	21.205.800	-	Phát sinh lãi của 04 người tham gia BHXHTN theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	135	807	38.500	31.069.500	31.069.500	-	
-	Đối tượng khác	1.420	11.633	15.400	179.295.509	179.148.200	147.309	
6	**Huyện Bá Thước**	**2.936**	**27.745**		**452.483.798**	**451.658.900**	**824.898**	
-	Người thuộc hộ nghèo	35	257	46.200	11.873.400	11.873.400	-	Phát sinh lãi của 02 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	106	713	38.500	27.450.500	27.450.500	-	
-	Đối tượng khác	2.795	26.775	15.400	413.159.898	412.335.000	824.898	
7	**Huyện Quan Sơn**	**1.544**	**13.337**		**297.015.020**	**296.388.400**	**626.620**	
-	Người thuộc hộ nghèo	173	1.258	46.200	58.119.600	58.119.600	-	Phát sinh lãi của 07 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	282	2.262	38.500	87.087.000	87.087.000	-	
-	Đối tượng khác	1.089	9.817	15.400	151.808.420	151.181.800	626.620	

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện *(người)*	Số tháng đóng bảo hiểm *(tháng)*	Mức hỗ trợ / người/ tháng *(đồng/người/ tháng)*	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định *(đồng)*	Trong đó		Ghi chú
						Số tiền hỗ trợ theo mức quy định *(đồng)*	Lãi do đối tượng tham gia đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu *(đồng)*	
8	**Huyện Lang Chánh**	**1.783**	**14.681**		**256.587.160**	**256.371.500**	**215.660**	
-	Người thuộc hộ nghèo	69	513	46.200	23.700.600	23.700.600	-	Phát sinh lãi của 01 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	91	627	38.500	24.139.500	24.139.500	-	
-	Đối tượng khác	1.623	13.541	15.400	208.747.060	208.531.400	215.660	
9	**Huyện Ngọc Lặc**	**3.342**	**29.851**		**467.734.598**	**467.574.800**	**159.798**	
-	Người thuộc hộ nghèo	22	116	46.200	5.359.200	5.359.200	-	Phát sinh lãi của 04 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	33	186	38.500	7.161.000	7.161.000	-	
-	Đối tượng khác	3.287	29.549	15.400	455.214.398	455.054.600	159.798	
10	**Huyện Cẩm Thủy**	**2.917**	**32.429**		**503.666.806**	**502.348.000**	**1.318.806**	
-	Người thuộc hộ nghèo	3	22	46.200	1.016.400	1.016.400	-	Phát sinh lãi của 04 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	14	98	38.500	3.773.000	3.773.000	-	
-	Đối tượng khác	2.900	32.309	15.400	498.877.406	497.558.600	1.318.806	

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện *(người)*	Số tháng đóng bảo hiểm *(tháng)*	Mức hỗ trợ / người/ tháng *(đồng/người/ tháng)*	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định *(đồng)*	Trong đó		Ghi chú
						Số tiền hỗ trợ theo mức quy định *(đồng)*	Lãi do đối tượng tham gia đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu *(đồng)*	
11	**Huyện Thạch Thành**	**3.731**	**46.295**		**742.239.319**	**741.787.200**	**452.119**	
-	Người thuộc hộ nghèo	18	242	46.200	11.180.400	11.180.400	-	Phát sinh lãi của 02 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	89	926	38.500	35.651.000	35.651.000	-	
-	Đối tượng khác	3.624	45.127	15.400	695.407.919	694.955.800	452.119	
12	**Huyện Hà Trung**	**2.509**	**36.476**		**585.280.804**	**584.129.700**	**1.151.104**	
-	Người thuộc hộ nghèo	12	155	46.200	7.161.000	7.161.000	-	Phát sinh lãi của 07 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	42	763	38.500	29.375.500	29.375.500	-	
-	Đối tượng khác	2.455	35.558	15.400	548.744.304	547.593.200	1.151.104	
13	**Huyện Vĩnh Lộc**	**1.907**	**28.240**		**456.882.825**	**455.940.100**	**942.725**	
-	Người thuộc hộ nghèo	14	216	46.200	9.979.200	9.979.200	-	Phát sinh lãi của 04 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	50	623	38.500	23.985.500	23.985.500	-	
-	Đối tượng khác	1.843	27.401	15.400	422.918.125	421.975.400	942.725	

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện *(người)*	Số tháng đóng bảo hiểm *(tháng)*	Mức hỗ trợ / người/ tháng *(đồng/người/ tháng)*	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định *(đồng)*	Trong đó		Ghi chú
						Số tiền hỗ trợ theo mức quy định *(đồng)*	Lãi do đối tượng tham gia đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu *(đồng)*	
14	**Huyện Yên Định**	**2.790**	**40.633**		**662.318.217**	**660.136.400**	**2.181.817**	
-	Người thuộc hộ nghèo	33	173	46.200	7.992.600	7.992.600	-	Phát sinh lãi của 12 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	76	1.258	38.500	48.433.000	48.433.000	-	
-	Đối tượng khác	2.681	39.202	15.400	605.892.617	603.710.800	2.181.817	
15	**Huyện Thọ Xuân**	**7.806**	**89.575**		**1.448.072.826**	**1.447.253.500**	**819.326**	
-	Người thuộc hộ nghèo	49	444	46.200	20.512.800	20.512.800	-	Phát sinh lãi của 10 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	208	2.343	38.500	90.205.500	90.205.500	-	
-	Đối tượng khác	7.549	86.788	15.400	1.337.354.526	1.336.535.200	819.326	
16	**Huyện Thường Xuân**	**3.553**	**25.497**		**459.906.496**	**459.597.600**	**308.896**	
-	Người thuộc hộ nghèo	113	561	46.200	25.918.200	25.918.200	-	Phát sinh lãi của 03 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	378	2.150	38.500	82.775.000	82.775.000	-	
-	Đối tượng khác	3.062	22.786	15.400	351.213.296	350.904.400	308.896	

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện *(người)*	Số tháng đóng bảo hiểm *(tháng)*	Mức hỗ trợ / người/ tháng *(đồng/người/ tháng)*	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định *(đồng)*	Trong đó		Ghi chú
						Số tiền hỗ trợ theo mức quy định *(đồng)*	Lãi do đối tượng tham gia đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu *(đồng)*	
17	**Huyện Triệu Sơn**	**3.568**	**50.286**		**818.847.567**	**818.024.900**	**822.667**	
-	Người thuộc hộ nghèo	10	139	46.200	6.421.800	6.421.800	-	Phát sinh lãi của 10 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	71	1.703	38.500	65.565.500	65.565.500	-	
-	Đối tượng khác	3.487	48.444	15.400	746.860.267	746.037.600	822.667	
18	**Huyện Thiệu Hóa**	**2.777**	**38.936**		**691.519.799**	**689.912.300**	**1.607.499**	
-	Người thuộc hộ nghèo	24	468	46.200	21.621.600	21.621.600	-	Phát sinh lãi của 06 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	161	3.285	38.500	126.472.500	126.472.500	-	
-	Đối tượng khác	2.592	35.183	15.400	543.425.699	541.818.200	1.607.499	
19	**Huyện Hoằng Hóa**	**2.865**	**30.682**		**479.318.548**	**478.824.500**	**494.048**	
-	Người thuộc hộ nghèo	9	20	46.200	924.000	924.000	-	Phát sinh lãi của 02 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	28	247	38.500	9.509.500	9.509.500	-	
-	Đối tượng khác	2.828	30.415	15.400	468.885.048	468.391.000	494.048	

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện *(người)*	Số tháng đóng bảo hiểm *(tháng)*	Mức hỗ trợ / người/ tháng *(đồng/người/ tháng)*	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định *(đồng)*	Trong đó		Ghi chú
						Số tiền hỗ trợ theo mức quy định *(đồng)*	Lãi do đối tượng tham gia đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu *(đồng)*	
20	**Huyện Hậu Lộc**	**3.764**	**45.103**		**732.891.381**	**732.054.400**	**836.981**	
-	Người thuộc hộ nghèo	26	378	46.200	17.463.600	17.463.600	-	Phát sinh lãi của 06 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	86	1.118	38.500	43.043.000	43.043.000	-	
-	Đối tượng khác	3.652	43.607	15.400	672.384.781	671.547.800	836.981	
21	**Huyện Nga Sơn**	**2.904**	**36.902**		**593.074.118**	**591.105.900**	**1.968.218**	
-	Người thuộc hộ nghèo	14	137	46.200	6.329.400	6.329.400	-	Phát sinh lãi của 11 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	65	805	38.500	30.992.500	30.992.500	-	
-	Đối tượng khác	2.825	35.960	15.400	555.752.218	553.784.000	1.968.218	
22	**Huyện Như Xuân**	**2.782**	**22.038**		**348.168.114**	**348.093.900**	**74.214**	
-	Người thuộc hộ nghèo	27	111	46.200	5.128.200	5.128.200	-	Phát sinh lãi của 01 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	37	229	38.500	8.816.500	8.816.500	-	
-	Đối tượng khác	2.718	21.698	15.400	334.223.414	334.149.200	74.214	

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện *(người)*	Số tháng đóng bảo hiểm *(tháng)*	Mức hỗ trợ / người/ tháng *(đồng/người/ tháng)*	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định *(đồng)*	Trong đó		Ghi chú
						Số tiền hỗ trợ theo mức quy định *(đồng)*	Lãi do đối tượng tham gia đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu *(đồng)*	
23	**Huyện Như Thanh**	**2.925**	**27.535**		**460.451.452**	**460.275.200**	**176.252**	
-	Người thuộc hộ nghèo	64	482	46.200	22.268.400	22.268.400	-	Phát sinh lãi của 07 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	141	926	38.500	35.651.000	35.651.000	-	
-	Đối tượng khác	2.720	26.127	15.400	402.532.052	402.355.800	176.252	
24	**Huyện Nông Cống**	**3.515**	**44.219**		**706.176.201**	**705.012.000**	**1.164.201**	
-	Người thuộc hộ nghèo	12	212	46.200	9.794.400	9.794.400	-	Phát sinh lãi của 08 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	50	758	38.500	29.183.000	29.183.000	-	
-	Đối tượng khác	3.453	43.249	15.400	667.198.801	666.034.600	1.164.201	
25	**Huyện Đông Sơn**	**2.015**	**28.874**		**460.974.695**	**460.544.700**	**429.995**	
-	Người thuộc hộ nghèo	8	32	46.200	1.478.400	1.478.400	-	Phát sinh lãi của 05 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	36	645	38.500	24.832.500	24.832.500	-	
-	Đối tượng khác	1.971	28.197	15.400	434.663.795	434.233.800	429.995	

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện *(người)*	Số tháng đóng bảo hiểm *(tháng)*	Mức hỗ trợ / người/ tháng *(đồng/người/ tháng)*	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định *(đồng)*	Trong đó		Ghi chú
						Số tiền hỗ trợ theo mức quy định *(đồng)*	Lãi do đối tượng tham gia đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu *(đồng)*	
26	**Huyện Quảng Xương**	**3.562**	**37.680**		**631.333.600**	**630.098.700**	**1.234.900**	
-	Người thuộc hộ nghèo	12	114	46.200	5.266.800	5.266.800	-	Phát sinh lãi của 10 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	173	2.005	38.500	77.807.974	77.192.500	615.474	
-	Đối tượng khác	3.377	35.561	15.400	548.258.826	547.639.400	619.426	
27	**Thị xã Nghi Sơn**	**1.649**	**22.378**		**358.725.644**	**357.434.000**	**1.291.644**	
-	Người thuộc hộ nghèo	18	161	46.200	7.438.200	7.438.200	-	Phát sinh lãi của 09 người tham gia BHXH tự nguyện theo phương thức đóng 1 lần cho những năm còn thiếu để nghỉ hưu
-	Người thuộc hộ cận nghèo	28	340	38.500	13.090.000	13.090.000	-	
-	Đối tượng khác	1.603	21.877	15.400	338.197.444	336.905.800	1.291.644	